

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

Số: 660 / TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K21-SN13/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng K21-SN13/2025 (danh sách kèm theo) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp khi đến tập trung tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;

+ Tiền khám sức khỏe: 485.000 đồng đối với nam và 515.000 đồng đối với nữ để nộp cho bệnh viện (bao gồm: chi phí khám sức khỏe 365.000 đồng đối với nam, 395.000 đồng đối với nữ; chi phí xét nghiệm lao phổi để xin visa: 70.000 đồng/người; khám tổng quát sàng lọc lao phổi: 50.000 đồng/người);

+ Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ ngày 15/8 đến ngày 30/8/2025;

- Thời gian làm thủ tục nhập học: 08h00 Thứ sáu ngày 15/8/2025;

- Địa điểm đào tạo: Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước (nằm trong khuôn viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội).

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS:

+ Người lao động truy cập thông báo tổ chức khóa đào tạo tại website: www.colab.moha.gov.vn để xác nhận nguyện vọng chấp nhận hợp đồng và cung cấp các thông tin cần thiết.

+ Người lao động mang theo smart phone có thể kết nối internet 4G và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn nội dung cụ thể trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

- Những nội dung khác:

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CMND/CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD

(theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **18/8/2025** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước
+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội
+ Số tài khoản: 1440201030194
+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).*

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp muộn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý
Sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc TT (để báo cáo);
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhấn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Ngọc Lan

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG
THAM GIA GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K21-SN13/2025**

(Kèm theo Công văn số 660/TTLĐNN-TCLĐ ngày 11/8/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
1	51032354	Nguyễn Văn Phong	14/10/1995	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-01
2	51032428	Trần Văn Thắng	12/01/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-02
3	51032439	Lý Văn Quang	26/07/1993	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-03
4	50306987	Trần Văn Hiếu	10/06/2001	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-04
5	50307020	Phạm Thành Luân	03/05/1990	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-05
6	50307033	Dương Văn Cường	13/05/1994	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-06
7	50307072	Giáp Việt Hoàng	30/09/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-07
8	50307103	Nguyễn Văn Tiến	06/11/1992	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-08
9	50307137	Nguyễn Văn Hợp	03/01/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-09
10	50307175	Chu Văn Công	06/11/1995	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-10
11	50307635	Đỗ Minh Phúc	17/03/2004	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-11
12	50307717	Lý Đức Lân	21/10/2004	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-12
13	50307733	Đỗ Minh Thư	11/08/1997	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-13
14	50307764	Ngô Minh Đức	22/03/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-14
15	50307780	Phùng Trường Giang	25/10/2004	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-15
16	50307807	Ân Văn Quý	05/12/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-16
17	50307910	Lương Ngọc Tùng	31/01/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-17
18	50307939	Nguyễn Duy Khánh	05/11/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-18
19	50307989	Dương Tuấn Anh	02/03/2002	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-19
20	50308015	Hà Anh Văn	14/10/2002	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K21SN13-20
21	50506760	Nguyễn Thị Diệp	11/12/2004	Nữ	Bắc Ninh	Bắc Ninh	K21SN13-21
22	51030044	Nguyễn Đình Cậy	01/06/1992	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K21SN13-22
23	51030071	Trần Anh Thái	05/09/1990	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K21SN13-23
24	50300010	Nguyễn Văn Áng	01/01/1991	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K21SN13-24
25	50301045	Phùng Tùng Dương	01/03/2000	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K21SN13-25
26	50301331	Đàm Việt Hưng	01/11/2004	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K21SN13-26
27	59090159	Lương Bá Nhật	21/06/2005	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K21SN13-27
28	50501757	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/11/2000	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-28
29	50302055	Vũ Thế Anh	23/07/2003	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-29
30	50302088	Nguyễn Thị Trang	20/06/1999	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-30
31	50302153	Lê Hùng Việt	02/09/1996	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-31
32	50302157	Nguyễn Thị Liên	15/08/1990	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-32
33	50302167	Nguyễn Thị Thương	12/06/2004	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-33
34	50302202	Nguyễn Văn An	15/07/2002	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-34
35	50302217	Nguyễn Quang Trung	10/12/1996	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-35
36	50302235	Nguyễn Trung Hiếu	07/08/2005	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-36
37	50302243	Lê Văn Khánh	18/07/2005	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-37
38	50302358	Nguyễn Thị Uyên	01/05/1999	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-38
39	50302413	Bùi Tiến Thành	21/08/2005	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-39
40	50302445	Phạm Minh Phương	07/07/1998	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-40

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
41	50302473	Nguyễn Văn Thắng	02/12/1996	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-41
42	50302487	Đinh Thị Thanh	02/07/2003	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-42
43	50302488	Phạm Thị Lương	20/06/1997	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-43
44	50302523	Lê Văn Hải	05/07/1992	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-44
45	50302564	Dương Hoàng Linh	15/01/2002	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-45
46	50302576	Đinh Trọng Tuyển	27/06/2002	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-46
47	50302579	Phạm Văn Chiến	20/06/1993	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-47
48	50302627	Vũ Đình Luân	12/03/2005	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-48
49	50302633	Đào Văn Chiến	07/07/2000	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-49
50	50302637	Phạm Khắc Cường	31/01/2005	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-50
51	50302641	Nguyễn Trung Đức	22/07/2001	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-51
52	50302653	Phạm Phú Hùng	26/01/1999	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-52
53	50302697	Phạm Thế Anh	02/06/1997	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-53
54	50302743	Lê Thị Phụng	16/08/1994	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-54
55	50302759	Vũ Đình Tú	18/04/1998	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-55
56	50302899	Nguyễn Thị Thu Thắm	20/07/2000	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-56
57	50302993	Nguyễn Huy Dân	31/12/1998	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-57
58	50303014	Nguyễn Văn Hệ	14/11/1993	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-58
59	50303036	Nguyễn Thị Thảo	20/12/2002	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K21SN13-59
60	51030532	Phạm Xuân Quý	23/08/2000	Nam	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-60
61	50301507	Phạm Thị Quỳnh	13/02/2002	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-61
62	50301510	Hoàng Văn Trang	01/06/1997	Nam	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-62
63	50301524	Nguyễn Huy Hoàng	08/04/2005	Nam	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-63
64	50301538	Phạm Thùy Trang	25/09/2000	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-64
65	50301557	Trần Thu Thảo Hiền	02/03/1999	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-65
66	50301617	Vũ Thị Kim Oanh	03/01/2005	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-66
67	50301652	Nguyễn Văn Cường	15/10/1990	Nam	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-67
68	50301655	Phạm Văn Thịnh	20/01/2002	Nam	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-68
69	50301712	Ngô Thị Loan	01/10/1992	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-69
70	50301759	Trịnh Thị Thắm	09/06/1995	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-70
71	50301802	Phạm Hải Linh	11/11/2000	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-71
72	50301868	Cao Thị Thu Hương	10/11/1996	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-72
73	50301879	Nguyễn Thúy Ngân	03/10/1997	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-73
74	50301912	Phạm Phú Tư	04/02/1988	Nam	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-74
75	50301923	Phạm Thị Phương	03/02/1996	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-75
76	50301964	Đinh Quang Tú	05/11/1987	Nam	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-76
77	50313863	Hoàng Văn Đoán	02/08/1989	Nam	Hải Phòng	Hải Phòng	K21SN13-77
78	50303230	Đặng Văn Hoàng	13/09/2002	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K21SN13-78
79	50303231	Vũ Trọng Thắng	08/03/2002	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K21SN13-79
80	50303251	Lưu Ngọc Ánh	17/10/2001	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K21SN13-80
81	50303324	Đỗ Xuân Thụ	11/10/1989	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K21SN13-81
82	50303394	Nguyễn Văn Nam	09/09/2000	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K21SN13-82
83	50303404	Nguyễn Đình Mạnh	14/02/2001	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K21SN13-83

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
84	50303425	Nguyễn Tuấn Hùng	18/08/1999	Nam	Hưng Yên	Hưng Yên	K21SN13-84
85	50303468	Đoàn Quốc Trung	04/06/2001	Nam	Hưng Yên	Hưng Yên	K21SN13-85
86	50311176	Phạm Tiến Chính	18/03/1995	Nam	Thái Bình	Hưng Yên	K21SN13-86
87	50311214	Bùi Minh Tiến	16/09/1997	Nam	Thái Bình	Hưng Yên	K21SN13-87
88	50311227	Nguyễn Văn Hai	30/09/1995	Nam	Thái Bình	Hưng Yên	K21SN13-88
89	50311231	Đỗ Xuân Trường	22/09/2000	Nam	Thái Bình	Hưng Yên	K21SN13-89
90	50311611	Nguyễn Thành Nam	15/12/2005	Nam	Thái Bình	Hưng Yên	K21SN13-90
91	50311612	Lê Thị Giang	02/07/1992	Nữ	Thái Bình	Hưng Yên	K21SN13-91
92	50311689	Trần Văn Cảnh	15/03/2005	Nam	Thái Bình	Hưng Yên	K21SN13-92
93	50311716	Nguyễn Hữu Sang	02/12/1998	Nam	Thái Bình	Hưng Yên	K21SN13-93
94	50350763	Bùi Văn Hưng	07/06/1996	Nam	Thái Bình	Hưng Yên	K21SN13-94
95	50305206	Lèo Thị Mai Hoa	23/07/1992	Nữ	Yên Bái	Lào Cai	K21SN13-95
96	50305241	Triệu Thị Hà	28/09/1995	Nữ	Yên Bái	Lào Cai	K21SN13-96
97	50303805	Lê Chí Khải	16/12/2001	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K21SN13-97
98	50303893	Nguyễn Đức Nam	05/01/1987	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K21SN13-98
99	50303898	Hoàng Văn Tuấn	02/12/1985	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K21SN13-99
100	50310251	Nguyễn Thị Thúy	22/11/1998	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K21SN13-100
101	50310290	Trần Thị Lan Anh	27/06/1998	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K21SN13-101
102	50310318	Trần Thị Phương Linh	06/12/1998	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K21SN13-102
103	50310695	Trần Thu Hiền	06/07/2005	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K21SN13-103
104	59093002	Nguyễn Duy Quyền	21/11/2004	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K21SN13-104
105	50309750	Nguyễn Hoàng Văn	16/06/2002	Nam	Hòa Bình	Phú Thọ	K21SN13-105
106	50309760	Nguyễn Minh Vương	17/09/1993	Nam	Hòa Bình	Phú Thọ	K21SN13-106
107	50309810	Nguyễn Thị Mạnh Hường	12/08/1990	Nữ	Hòa Bình	Phú Thọ	K21SN13-107
108	50309829	Nguyễn Thị Lan Anh	20/09/1999	Nữ	Hòa Bình	Phú Thọ	K21SN13-108
109	50305820	Đinh Quyết Tâm	25/06/1990	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K21SN13-109
110	50305858	Hà Thương Thương	27/06/1998	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K21SN13-110
111	50305908	Lê Hồng Quân	01/07/1997	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K21SN13-111
112	50305947	Hà Thế Cường	15/08/2001	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K21SN13-112
113	50306026	Trần Quang Thuận	10/01/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K21SN13-113
114	50306078	Nguyễn Trung Đức	09/11/2003	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K21SN13-114
115	50306469	Đặng Trần Đức Đại	09/08/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K21SN13-115
116	50306484	Hoàng Thạch Mạnh	06/02/2004	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K21SN13-116
117	50306507	Hà Đức Toàn	16/11/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K21SN13-117
118	50305875	Bùi Mạnh Hùng	17/08/1995	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K21SN13-118
119	50305885	Trần Quang Trung	12/07/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K21SN13-119
120	50306557	Trương Quang Nam	05/09/2005	Nam	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	K21SN13-120
121	50306567	Nguyễn Công Uẩn	04/09/2002	Nam	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	K21SN13-121
122	50306574	Lưu Quang Trung	20/02/1991	Nam	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	K21SN13-122
123	50306630	Nguyễn Thị Hoài Thu	11/03/2004	Nữ	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	K21SN13-123
124	50306762	Chu Thị Hường	06/07/2005	Nữ	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	K21SN13-124
125	50308966	Hà Thị Như Quỳnh	27/02/2004	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-125
126	50308975	Phạm Thị Yến	13/08/1996	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-126

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
127	50308980	Lâm Thị Dung	20/12/2003	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-127
128	50308995	Hà Thị Ngọc Ánh	08/10/2002	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-128
129	50308998	Bùi Thuỳ Linh	10/12/2005	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-129
130	50309047	Nguyễn Thị Bích	30/10/1998	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-130
131	50309048	Lý Văn Dường	27/09/1998	Nam	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-131
132	50309069	Trần Thị Thương	14/08/2003	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-132
133	50309107	Nguyễn Lê Vũ	21/09/2003	Nam	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-133
134	50309147	Lê Thị Hiền Trang	26/03/2004	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-134
135	50309148	Lê Thị Mai	03/02/2002	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-135
136	50309150	Nguyễn Thị Châm	23/02/2003	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-136
137	50309195	Trần Hải Yến	16/09/2004	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K21SN13-137
138	50309607	Nguyễn Thị Kim Ngọc	21/08/1995	Nữ	Sơn La	Sơn La	K21SN13-138
139	50304904	Lê Anh Dũng	27/02/2002	Nam	Tuyên Quang	Tuyên Quang	K21SN13-139
140	50305031	Đỗ Đức Nam	24/08/1998	Nam	Tuyên Quang	Tuyên Quang	K21SN13-140
141	50305138	Ngô Phương Hoài	13/02/2004	Nữ	Tuyên Quang	Tuyên Quang	K21SN13-141
142	50304378	Hoàng Trọng Nghĩa	01/08/2000	Nam	Bắc Kạn	Thái Nguyên	K21SN13-142
143	50304387	Nông Thị Thắm	03/08/1987	Nữ	Bắc Kạn	Thái Nguyên	K21SN13-143
144	50304426	Chu Thị Hương	04/03/1989	Nữ	Bắc Kạn	Thái Nguyên	K21SN13-144
145	50305429	Phạm Huy Thảo	07/08/1995	Nam	Thái Nguyên	Thái Nguyên	K21SN13-145
146	50305502	Đoàn Duy Hiếu	13/08/1988	Nam	Thái Nguyên	Thái Nguyên	K21SN13-146
147	50305706	Nguyễn Khắc Tuấn	19/11/1997	Nam	Thái Nguyên	Thái Nguyên	K21SN13-147
148	50305711	Đặng Tùng Dương	27/12/2005	Nam	Thái Nguyên	Thái Nguyên	K21SN13-148
149	50313004	Đỗ Xuân Long	22/06/2005	Nam	Thái Nguyên	Thái Nguyên	K21SN13-149
150	51033991	Lê Tiến Quý	19/02/1992	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K21SN13-150